Quyển 12 (Kinh số 283 - 303)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

334 KINH TẠPA-HÀM

QUYỂN 12 283. VÍ DỤ TRỒNG CÂY1 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Nếu đối với pháp trói buộc mà sanh tâm đắm trước vi ngọt, đoái tưởng, dính mắc vào đó thì ái sanh khởi; duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu5 bi, khổ, não, cứ như vậy tụ thành một khối khổ lớn. Ví như việc ưồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu, cần phải chăm sóc che chắn, vun gốc bón phân, tùy thời tưới nước, nóng lạnh điều hòa, nhờ các nhân duyên đó vê sau cây lớn dân lên. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Nêu đối với pháp trói buộc mà tham đắm, nuôi dưỡng thì ái sanh khởi; duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như vậy tụ thành một khối khổ lớn. Nếu đối với pháp trói buộc mà tùy thuận quán vô thường, trú trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả ly, không khởi đoái tưởng, tâm không dính mắc thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như vậy là toàn bộ khối khổ lớn đều diệt. Ví như việc trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu, nếu không chăm sóc che chắn, không vun gốc bón phân, không tùy thời tưới nước, không điều tiết nóng lạnh thì cây ấy không thể lớn được; đã thế còn chặt gốc, chặt cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần phơi giữa nắng gió, hay dùng lửa thiêu rụi, đốt cháy thành tro, rồi để gió lốc thổi tung, hoặc quăng xuống nước. Này các Tỳ-kheo! Ý ông nghĩ sao? Phải chăng cây ấy đã bị chặt gốc cho đến bị thiêu rụi, khiên nó diệt mát, trở thành thứ sau này không thê sanh trở lại chăng? -Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như vậy, này các Tỳ-kheo! Đoi với pháp trói buộc mà tùy thuận quán vô thường, tru trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán xả ly, không khởi đoái tưởng, tâm không dính mắc thì ái diệt; ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, tru, bi, khổ, não diệt, như vậy toàn bộ khối khổ lớn đều diệt.

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.283. 0079a25). Tham chiếu: s. 12.57 - II. 89.

QUYỂN 12 335

Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

284. VÍ DỤ VỀ CÔI CÂY LỚN2 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu đối với pháp chấp thủ mà sanh tâm đắm trước vi ngọt, đoái tưởng, dính măc vào đó? tâm sẽ rong ruổi tìm câu danh sắc; duyên danh sắc có sáu nhập xứ? duyên sáu nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Cứ như thế tụ thành một khối

khổ lớn. Ví như cội cây lớn đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa, quả; rễ nó cắm sâu vào đất, lại thường được vun gốc, bón phân, tưới nước đầy đủ, cội cây ấy vững chắc, trọn đời không hư mục. Cũng thế, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp bị chấp thủ mà còn sanh tâm đắm trước vị ngọt, đoái tưởng, dính mắc vào đó, tâm rong ruổi chạy theo danh sắc; duyên danh sắc có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn. Nêu đôi với pháp chập thủ mà tùy thuận quán vô thường, trú trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm chán, tâm không đoái tưởng, không dính mắc, thức không rong ruổi tìm cầu danh sắc thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diet, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế là toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Ví như việc trồng cây, ban đầu cây còn nhỏ yếu, nếu không chăm sóc che chắn, không vun gốc bón phân, không tùy thời tưới nước, không điều tiết nóng lạnh thì cây ấy không thể lớn được; đã the còn chặt gốc, chặt cành, cắt ra từng đoạn, chia ra từng phần phơi giữa nắng gió, hay dùng lửa thiêu rụi, đốt cháy thành tro5 rồi để gió lốc thổi tung, hoặc quăng xuống nước. Này các Tỳ-kheo! Ý ông nghĩ sao? Phải chăng cây ấy đã bị chặt gốc cho đến bi thiêu rụi, khiến cây hoại diệt, trở thành thứ sau này không thể sanh trở lại chăng? - Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà tùy thuận quán vô thường, tru trong pháp quán sanh diệt, quán vô dục, quán tịch diệt, quán nhàm* S. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.284. 0079Ồ23). Tham chiếu: s. 12.55 - II. 87; S. 12.56-ii. 88; S. 12.58 -11. 90.

chán, tâm không đoái tưởng, không dính mắc? thức không rong ruổi tìm cầu danh sắc thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

285. CHỒ NƯƠNG TƯA3 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ5 The Ton bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ về kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm thiền tọa, khởi niệm như vầy: Thế gian chìm trong khổ nạn, đó là sanh, già, bệnh, chết, biến đổi, thọ sanh...; thế nhưng đối với sự sanh, già, bệnh, chết ấy và chỗ nương tựa45thì chúng sanh lại không biết như thật. Ta lại nghĩ: “Do có pháp gì mà có sanh? Do pháp gì làm duyên mà có sanh?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh sự hiểu biết sáng suốt:5 "Do có hữu nên có sanh, do hữu làm duyên nên có sanh." Ta lại tư duy: "Do có pháp gì mà có hữu? Do pháp gì làm duyên mà có hữu?” Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do có thủ nên có hữu, do thủ làm duyên nên có hữu." Ta lại nghĩ rằng: "Thủ lại do duyên nào, pháp nào mà có thủ? Do pháp nào

làm duyên mà có thiỉ?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Đối với pháp chấp thủ mà tham đắm, đoái tưởng, tâm dính mắc thì ái dục tăng trưởng; do có ái kia nên có thiỉ, tức do ái làm duyên nên có thủ, thủ làm duyên nên có hữu, hữu làm duyên nên có sanh, sanh làm duyên nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn.” Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Ví như nhờ có dầu và tim mà đèn được thắp sáng; có phải cứ thêm dầu và tim thì đèn kia được sáng lâu chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.285. 0079c27. Tham chiếu: s. 12.10 - II. 10; S. 12.53 - II. 86; S. 12.54-11. 87. 4 Nguyên tác: Sở y Chỗ mà sanh, bệnh, lão, tử... nương vào để hiện khởi và tồn tại. 5 Nguyên tác: Vô gián đẳng sự thấy rõ tường tận, được dịch từ Pâli là abhisamayo^, nghĩa là sự sáng suốt, thông tuệ, thông đạt, tuệ thể nhập. HT. Thích Minh Châu dịch là "thắng tíi.”

QUYỂN 12 337

-Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà tham đắm, đoái tưởng, tâm dính mắc thì ái dục tăng trưởng; do có ái kia nên có thủ, tức do ái làm duyên nên có thủ, thủ làm duyên nên có hữu, hữu làm duyên nên có sanh, sanh làm duyên nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn. LÚC ây, Ta lại nghi: "Do không có pháp nào mà không có già, bệnh, chét này? Do pháp nào diệt mà già, bệnh, chết diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do không có sanh nên không có già, bệnh, chết; nếu sanh diệt thì già, bệnh, chết đều diet.” Ta lại nghĩ: "Do không có pháp nào mà không có sanh? Do pháp nào diệt mà sanh diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: “Do không có hữu nên không có sanh, do hữu diệt nên sanh diet." Ta lại tư duy: "Do không có pháp nào mà không có hữu? Do pháp nào diệt mà hữu diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: “Do không có thủ nên không có hữu, do thủ diệt nên hữu diệt?5 Ta lại nghĩ: "Do không có pháp nào mà không có thủ? Do pháp nào diệt mà thủ diet?^ Ta liền tư duy chân chánh rồi phát sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: uĐối với pháp bị chấp thủ mà quán vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không đoái tưởng, tâm không dính mắc thì ái liền diệt; do ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, saiứi diệt nên già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế toàn bộ khối khổ lớn đều diet." Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy nghĩ sao? Ví như nhờ có dầu và tim mà ngọn đèn được thắp sáng; nếu không thêm dầu và tim, chẳng phải đèn kia về sau không thể sáng tiếp mà sẽ bị tắt mất ư? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà quán vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không đoái tưởng, tâm không tham đắm thì ái liền diệt; ái diệt thì thủ diệt,... (cho đếrỉ) một khối khổ lớn cũng diệt. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

286. VÍ DỤ ĐỐNG LỬA6

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước

Xá-vệ. J

6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.286. 0080b08). Tham chiếu: s. 12.52 - II. 84.

338 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ về kiếp trước, khi chưa thành Chánh giác, sống một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm thiền tọa,... (chi tiết như kinh trước đã nói,1 chỉ khác ở phần sau). r r Ví như chở mười bó củi, hai mươi, ba mươi, bôn mươi, năm mươi cho đên hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn bó củi đến rồi chất lại thành đống và châm lửa đốt cháy. Nếu như có người quăng thêm củi và cỏ khô vào, này các Tỳ-kheo, ý các thầy nghĩ sao? Đống lửa này sẽ cháy lâu dài chứ? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ mà tham đắm, đoái tưởng, tâm còn dính mắc thì ái tăng trưởng; ái làm duyên nên có thủ, thủ làm duyên nên có hữu... (cho đến) tụ thành một khối khổ lớn. Này các Tỳ-kheo! Nếu không quăng thêm củi và cỏ khô vào đống lửa đang cháy kia, ý các thầy nghĩ sao? Đống lửa kia sẽ bi tắt chứ? - Đúng vậy, thưa Thế Tôn! -Cũng vậy, này các Tỳ-kheo! Đối với pháp chấp thủ nên quán vô thường, sanh diệt, ly dục, diệt tận, xả ly, tâm không đoái ảng, khônẹ dính mắc thì ái sẽ diệt, ái diệt thì thủ diệt... (cho đếrỈỶ toàn bộ khối khổ lớn đêu diệt. Đức Phật nói kinh này roi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đêu hoan hỷ phụng hành. ***

287. VÍ DỤ CON ĐƯỜNG cũ7 89 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta nhớ vê kiêp trước, khi chưa thành Chánh giác, sông một mình nơi thanh vắng, chuyên tâm thiền tọa, khởi niệm như vầy: “Do có pháp gì mà có già, chét? Do pháp gì làm duyên mà có già, chết?” Ta liền tư duy chân chánh roi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật:10 "Do có sanh nên có già, chết; do sanh làm duyên nên có già, chết; cho đến hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập, danh sắc cũng đều như vāy?9

7 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 285(r02. 0099.285. 0079c27). 8 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 283 (T.02. 0099.283. 0079a25). 9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.287. 0080Ò24). Tham chiếu: Tg.(T.02. 0125.38.4. 0718al3); Tăng.(T.02. 0125.48.4. 0790a07); s. 12.65 - II. 104. ' 10 Nguyên tác: Sanh như thật vô gián đẳng ().Xem chú thích 5, kinh số 285, quyển 12, tr. 336; Tạp.(T.02. 0099.285. 0079c27).

QUYÊN 12 339

Rồi lại khởi niệm: uDo có pháp gì mà có danh sắc? Do pháp gì làm duyên mà có danh sac?99 Ta liền tư duy chân chánh rồi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do có thức nên có danh sắc, do thức làm duyên nên có danh sắc." Khi Ta tư duy như vậy, đến thức rồi trở lại, không thể vượt qua;11 nghĩa là do thức làm duyên nên có danh sắc, do danh sắc làm duyên nên có sáu nhập xứ, do sáu nhập xứ làm duyên nên có xúc, do xúc làm duyên nên có thọ, do thọ làm duyên nên có ái? do ái làm duyên nên có thủ, do thủ làm duyên nên có hữu, do hữu làm duyên nên có sanh, do sanh làm duyên nên có già,

bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn. Rồi Ta lại khởi niệm: “Do không có pháp gì mà không có già, chết? Do pháp gì diệt mà già, chết diet?” Ta liền tư duy chân chánh rồi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do không có sanh nên không có già, chết, do sanh diệt nên già? chết diệt. Cũng như vậy đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hnh.” Ta lại tư duy: "Do không có pháp gì mà không có hành? Do pháp gì diệt mà hành diet?" Ta liền tư duy chân chánh rồi khởi sanh hiểu biết sáng suốt, như thật: "Do không có vô minh nên không có hành, do vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập xứ diệt, sáu nhập xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế là toàn bộ khối khổ lớn đều diet." Rồi Ta khởi niệm như vầy: “Ta thấy được con đường xưa của Tiên nhân, thấy được lối mòn xưa của Tiên nhân, thấy được dấu chân xưa của Tiên nhân. Bậc Tiên nhân xưa kia đã từng đặt chân trên con đường này, nay Ta cũng bước theo lối ấy.” Ví như có người đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường, bỗng nhiên nhìn thấy đường cũ mà người xưa đã từng qua lại, liền theo đó mà di, tiến dần về phía trước, thấy có thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, ho tam, rừng cây mát mẻ. Người ấy suy nghĩ: "Bây giờ? ta nên tâu cho nhà vua biết.” Rồi người ấy liền đến thưa: "Đại vương nên biết! Vừa rồi thần đi giữa đồng hoang, vạch lối tìm đường, bỗng thấy con đường cũ mà người xưa từng qua lại, thần liền lần theo, thấy có thành ấp cũ, cung điện vua xưa, vườn cảnh, hồ tắm, suối rừng trong xanh. Đại vương có thể đến sống trong đó.95 Nghe xong, vua liền đến đó, ngự lại nơi đó, sung túc an ổn, nhân dân thịnh vượng. Nay Ta cũng như vậy, đã gặp được con đường xưa của Tiên nhân, lối mòn xưa của Tiên nhân, dấu chân xưa của Tiên nhân. Bậc Tiên nhân xưa kia đã đi

11 Nguyên tác: Te thức nhi hoàn, bất năng quá bỉ ().Theo s. 12.65 - II. 104: Paccudāvattati kho idarn viññānam nāmarūpamhā na param gacchati (Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc), HT. Thích Minh Châu dịch.

qua đường này, nay Ta cũng bước theo. Con đường đó chính là Thánh đạo tám chi, gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Ta theo con đường đó mới thấy được già, bệnh, chết; già, bệnh, chết tập khởi; già, bệnh, chết chấm dứt; con đường đưa đến chấm dứt già, bệnh, chết. Thấy được sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; hành tập khởi, hành chấm dứt và con đường đưa đến chấm dứt hành. Ta đối với pháp này, tự biết, tự ngộ, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn rồi khai thị, diễn thuyết cho Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu- bà-di và cả các Sa-môn ngoại đạo, Bà-la-môn, tại gia, xuất gia. Bốn chúng ấy nghe pháp rồi, hướng về chân chánh,12 tin tưởng ngưỡng mộ, biết rõ pháp thiện, Phạm hạnh tăng trưởng, được nhiều lợi ích. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

288. VÍ DỤ VỀ BA CÂY LAU SẬY13

Tôi nghe như vay:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá.

Lúc đó, Ton giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đang ở trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Tôn giả Xá-lợi-phất xả thiền rồi đến chỗ Tôn giả Câu-hy-la9 vui vẻ thăm hỏi nhau xong và ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Tôn giả Câu-hy-la rằng:

-Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đáp:

Nhân giả cứ hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền hỏi:

-Thế nào, thưa Tôn giả Câu-hy-la, có sự già không?

Đáp:

-Thưa, có chứ!

Hỏi:

- Có sự chết không?

Đáp:

Thưa, có chứ!

12 Nguyên tác: Chánh hướng ().p. ujuppatipanna (hướng về sự chân chánh). 13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.288. 0081a09). Tham chiếu: s. 12.67 - II. 112.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thế nào, thưa Tôn giả, sự già chết ấy là do mình tạo hay do người tạo? Hay vừa do mình vừa do người tạo? Hay không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức do tự nhiên14 chăng?

-Tôn giả Xá-lợi-phất! Sự già chết ấy chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người tạo, chẳng phải vừa do mình vừa do người tạo, chẳng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên mà là do sanh làm duyên nên có già chết. Hỏi: Như vậy thì sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc là do mình tạo, do người tạo, vừa do mình vừa do người tạo hay không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức là do tự nhiên chăng? Đáp: -Tôn giả Xá-lợi-phất! Danh sác ây chăng phải do mình tạo, chăng phải do người tạo? chẳng phải vừa do mình vừa do người tạo, chẳng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên mà là do thức làm duyên nên có danh sác. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Thức kia là do mình tạo, do người tạo, vừa do mình vừa do người tạo hay không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức do tự nhiên chăng? Đáp: -Tôn giả Xá-lợi-phất! Thức ấy chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người tạo, chăng phải vừa do mình vừa do người tạo, chăng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên mà là do danh sắc làm duyên nên có thức. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thưa Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la! Trước Tôn giả nói danh sắc chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người tạo, chẳng phải vừa do mình vừa do người tạo, chẳng phải không phải do mình cũng không phải do người tạo, tức chẳng phải do tự nhiên, mà là "do

thức làm duyên nên có danh sắc", nhưng nay Tôn giả lại nói "do danh sắc làm duyên nên có thức", vậy nghĩa này là thế nào? Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đáp: -Nay tôi sẽ nói ví du, người trí nhờ ví dụ mà được hiểu rõ. Ví như ba cây lau sậy được dựng lên nơi khu đất trống, chúng nhờ nương tựa vào nhau mới có

14 Nguyên tác: Vô nhân tác ().Theo s. 12.67 - IL 112: Adhỉccasamuppannarn (do tự nhiên sanh), HT Thích Minh Châu dịch.

thể đứng vững. Nếu lấy ra một cây thì hai cây kia sẽ không thể đứng vững, hoặc lấy ra hai cây thì một cây còn lại cũng không đứng vững, vì chúng phải nương nhau mới có thể đứng được. Thức duyên danh sắc cũng lại như thế, nương tựa qua lại lẫn nhau mới sanh trưởng được. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: - Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la là người có trí tuệ minh đạt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ.1516 Do tự thân chứng nghiệm trọn vẹn pháp cam lộ nên Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la mới có biện tài sâu xa như thế, đối với mọi chất vấn đêu có thê giải đáp. Ví như ngọc quý vô giá, người thê gian thường đội trên đầu; nay tôi cũng giống như thế, cúi đầu cung kính đảnh lễ Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la. Hôm nay, tôi ở chỗ Tôn giả liền được thiện lợi. Các vị Phạm hạnh khác thường đến chỗ Tôn giả cũng được thiện lợi, ấy là nhờ Ton giả khéo thuyết pháp. Đối với pháp mà Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la đã thuyết, nay tôi dùng ba mươi cách tán thán để xung dương, tùy hỷ. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói rằng: Đối với già chết mà chán ghét, ly dục, diệt tận, gọi là Pháp sư. Lại nói: Đoi với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức mà chán ghét, ly dục, diệt tận5 gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo đối với già chết mà chán ghét, hướng đến ly dục? diệt tận, gọi là Pháp sư; cho đến đối với thức mà chán ghét, hướng đến ly dục, diệt tận, gọi là Pháp sư. Nếu Tỳ-kheo đối với già chết mà chán ghét, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu hoặc, tâm giải thoát hoàn toàn,16 gọi là Pháp sư; cho đến đối với thức mà chán ghét, ly dục, diệt tận, không khởi các lậu hoặc, tâm giải thoát hoàn toàn, gọi là Pháp sư. Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất là người có trí tuệ minh đạt, khéo điều phục, không sợ hãi, thấy pháp cam lộ. Do tự thân chứng nghiệm trọn vẹn pháp cam lộ nên Tôn giả Xá- lợi-phât mới có khả năng đặt những câu hỏi với chánh trí sâu xa như vậy. Ví như ngọc báu vô giá được người thế gian đội trên đầu, nay Tôn giả cũng vậy, đáng được tát cả các bậc Phạm hạnh đảnh lễ, tôn kính, phụng sự. Hôm nay, tôi có được thiện lợi, ấy là nhờ cùng với Tôn giả luận bàn diệu nghĩa. Cả hai vị Tôn giả cùng nhau tùy hỷ rồi trở về trú xứ của mình. ***

15 Cam 10 amata: Bất tử, cũng được hiểu là giải thoát. 16 Nguyên tác: Thiện giải thoát suvimuttà. Xem chú thích 54, kinh số 22, quyển l, tr. 19; Tạp.r02. 0099.22. 004c20.

289. HÀNG PHÀM PHU MÊ MUÔI1718 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo

các Tỳ-kheo: Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết tuy đối với thân tứ đại có thể chán ghét, ly dục, xả bỏ, nhưng đối với thức thì không thể. Vì sao như vậy? Vì họ thấy thân tứ đại có tăng, có giảm, có thủ, có xả, nhung đối với tâm, ý, thức thì hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết không thể chán ghét, ly dục, giải thoát. Vì sao như vậy? Vì từ bao đời nay, họ nâng niu yêu quý, chấp chặt vào đây, hoặc đắc, hoặc thủ, rồi cho rằng: "Dây là ta, đây là của ta? tồn tại trong nhau."18 Cho nên hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết ấy không thể đối với tâm, ý5 thức này mà chán ghét, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà đối với thân tứ đại chấp là ta, là của ta, chứ không nên đoi với thức mà chấp là ta, là của ta. Vì sao như vậy? Vì dù sao sắc thân tứ đại cũng có thể tồn tại được mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm cho đến trăm năm rồi mới mất đi, hoặc lâu hơn chút nữa, chứ còn tâm, ý, thức kia chuyên biên từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong chốc lát, thoạt sanh thoạt diệt. Ví như con vượn rong chơi trong rừng, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt ở nơi kia, chuyền từ cành này sang cành khác, buông cành này nắm cành kia; tâm, ý, thức kia cũng lại như vậy, thoạt sanh thoạt diệt. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp duyên khởi, khéo tư duy quán sát như vây: "Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ, khi cảm nhận lạc thọ thì biêt như thật đang cảm nhận lạc thọ; khi lạc xúc kia diệt thì lạc thọ do lạc xúc làm duyên sanh ra ây cũng diệt, dừng lăng, văng lặng, ngưng nghí, biên mát. Giông lạc thọ, các thọ được sanh bởi các duyên như khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Do xả xúc làm duyên nên sanh ra xả thọ, khi cảm nhận xả thọ liền biết như thật đang cảm nhận xả thọ; khi xả xúc kia diệt thì xả thọ do xả xúc làm duyên sanh ra ây cũng diệt, dừng lăng, văng lăng, ngmig nghí, biên mát." Vị ấy lại tư duy như vầy: "Thọ này được sanh ra bởi xúc, lạc là do xúc, phụ thuộc vào xúc. Do có lạc bởi xúc thế này thế kia mà có lạc bởi thọ thế này thế kia; do lạc bởi xúc thế này thế kia diệt thì lạc bởi thọ thế này thế kia cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất."

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.289. 0081c04). Tham chiếu: Tăng.(T.02. 0125.9.3. 0562C02); Tăng.(T.02. 0125.9.4. 0562c 10); s. 12.61 - II. 94. 18 Nguyên tác: Tương tại ().Tham chiếu: s. 35.86 - IV. 54: Etarn mama, esohamasmi, eso me attā. (Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi), HT. Thích Minh Châu dịch. Tự ngã của tôi được hiểu là cái tôi của tôi, Hán dịch là "tương tai,?().

Như thế, Thánh đệ tử đa văn đối với sắc sanh nhàm chán; đối với thọ, tưởng, hành, thức sanh nhàm chán; do nhàm chán nên không ưa thích, do không ưa thích nên đắc giải thoát, giải thoát tri kiến: “Sự sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

290. THÁNH ĐỆ TỬ ĐA VĂN19 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. r _ Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết tuy đối với thân tứ đại có thể chán ghét, ly dục, xả bỏ, nhưng đôi với thức thì không thê. Vì sao như vậy? Vì họ thấy thân tứ đại có tăng, có giảm, có thủ, có xả, nhưng đoi với tâm, ý, thức thì hàng phàm

phu mê muội thiếu hiểu biết không thể chán ghét, ly dục, giải thoát. Vì sao như vậy? Vì từ bao đời nay, họ nâng niu yêu quý, chấp chặt vào đây, hoặc đắc, hoặc thủ, rồi cho rằng: "Bây là ta, đây là sở hữu của ta, tồn tại trong nhau." Cho nên hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết ấy không thể đối với tâm, ý, thức đây mà chán ghét, ly dục, giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết thà đối với thân tứ đại chấp là ta, là của ta, chứ không nên đôi với thức chấp là ta? là của ta. Vì sao như vậy? Vì dù sao sắc thân tứ đại cũng có thể tồn tại được mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm cho đến trăm năm rồi mới mất di, hoặc lâu hơn chút nữa, chứ còn tâm, ý, thức kia chuyển biến từng ngày, từng đêm, từng giờ, từng khắc, trong chốc lát, thoạt sanh thoạt diệt. Ví như con vượn rong chơi trong rừng, thoáng chốc ở nơi này, chợt thoắt ở nơi kia, chuyền từ cành này sang cành khác, buông cành này nắm cành kia. Tâm, ý? thức kia cũng lại như vậy, thoạt sanh thoạt diệt. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp duyên khởi khéo tư duy quán sát như vầy: "Lạc xúc làm duyên sanh ra lạc thọ, khi cảm nhận lạc thọ thì biết như thật đang cảm nhận lạc thọ; khi lạc xúc kia diệt thì lạc thọ do lạc xúc làm duyên sanh ra ây cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, mất đi. Cũng như lạc thọ, các thọ được sanh bởi các duyên như khổ xúc, hỷ xúc, ưu xúc, xả xúc cũng vậy. Do xả xúc làm duyên nên sanh ra xả thọ, khi cảm nhận xả thọ liền biết như thật đang cảm nhận xả thọ; khi xả xúc kia diệt thì xả thọ do xả xúc làm duyên sanh ra ấy cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất."

19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.290. 0082a01). Tham chiểu: s. 12.62 - II. 95.

QUYỂN 12 345

Ví như hai khúc cây cọ xát vào nhau sẽ phát ra lửa, nếu tách rời hai khúc cây ây ra thì lửa tăt ngâm. Cũng vậy, các thọ do xúc làm duyên mà tập khởi, do xúc mà sanh ra, do xúc mà tập khởi. Nếu xúc thế này thế kia tập khởi thì thọ thế này the kia cũng tập khởi; nêu xúc thế này thế kia tập khởi rồi diệt thì thọ thế này thế kia cũng tập khởi rồi cũng diệt, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất. Khi vị Thánh đệ tử đa văn quán sát như vậy, đối với sắc được giải thoát; đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng được giải thoát; đối với sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não cũng được giải thoát. Ta nói vị ấy đối với khổ đã được giải thoát. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

291. Sự TIẾP XÚC NÔI TÂM2021 Tôi nghe như vầy: Một thòi, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bay giờ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Ta đã nói về sự tiếp xúc nội tâm/1 các thầy có nắm bắt được chăng? Khi ấy, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, cúi lạy sát chân Phật roi chăp tay thưa răng: Bạch Thế Tôn! Con đã nắm bắt được về sự tiếp xúc nội tâm mà Ngài giảng dạy. Rồi Tỳ-kheo ấy đối trước Phật trình bày như vậy như vậy, nhung Thế Tôn vẫn không hài lòng. Bấy giờ, đức Phật nói với Tôn giảA-nan đang cầm quạt đứng hầu phía sau: -Sự tiếp xúc nội tâm theo giáo pháp của Hiền thánh khác với những gì Tỳkheo này vừa nói. A-nan thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Cúi xin Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà dạy về sự tiếp xúc nội tâm theo giáo pháp của Hiền thánh! Các Tỳ-kheo

nghe xong sẽ vâng giữ phụng hành. Đức Phật bảo A-nan: -Lành thay! Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho các thầy nghe. Các Tỳ-kheo nắm bắt sự tiếp xúc nội tâm nên khởi tư duy như vầy: “C6 những nỗi khô đau khởi

20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.291. 0082a28). Tham chiếu: s. 12.66 - II. 107. 21 Nguyên tác: Nội xúc pháp ().Theo s. 12.66 - II. 107: ^Sammasatha no tumhe, bhikkhave, antaram sammasa'nti. (Này các Tỷ-kheo, các ông có nắm giữ với nội xúc hay không?), HT. Thích Minh Châu dịch.

lên mà chúng sanh phải gánh chịu, thế thì những khổ đau này do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì mà tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?"22 Khi năm bắt như vậy, nên biết rằng những nỗi khổ đau này đều do sanh y làm nhân,*23 do sanh y làm tập khởi, do sanh y mà tác sanh, do sanh y làm hiện hữu. Lại nữa, này Ty-kheo? với sự tiếp xúc nội tâm thì sanh y lấy cái gì làm nhân, lấy cái gì làm tập khởi, lấy cái gì làm tác sanh, lấy cái gì làm hiện hữu? Khi nắm bắt như vậy, nên biết rằng sanh y do ái làm nhân, do ái tập khởi, do ái tác sanh, do ái hiện hữu. Lại nữa, Ty-kheo, khi nắm bắt sự tiếp xúc nội tâm, sẽ biết ái do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì tác sanh, do cái gì hiện hữu. Khi nam bắt như vậy, nên biết rằng the gian quan niệm sắc là đẹp đẽ và thật c6, tại chỗ đó, ái sanh càng sanh thêm, ái bám vào càng bám chặt, ái trú vào càng thêm tru. Nếu các Sa-môn? Bà-la-môn đối với sắc được thế gian quan niệm đẹp đẽ và thật có áy mà khởi tưởng là thường, là hăng, là an ôn, là không bệnh, là ta, là của ta; với cái thấy ấy thì đối với sắc này ái càng tăng trưởng, khi ái đã tăng trưởng thì sanh y càng tăng trưởng, khi sanh y đã tăng trưởng thì khổ càng tăng trưởng, khi khô đã tăng trưởng thì không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chét, ưu, bi, khổ, não. Ta nói vị ấy không giải thoát khỏi khổ. Ví như bên đường có ao nước trong mát, có mùi vị ngon ngọt, nhimg có người bỏ chất độc trong đó. Vào tháng mùa xuân, người đi đường mệt và khát vì nóng bức, liền tranh nhau xuống ao uống nước. Khi ấy, có người nói rằng: "Này các anh, ao nước trong mát kia dù có mùi vị ngon ngọt, nhưng trong đó có độc, các anh không nên uống. Nếu uống vào sẽ chết, hoặc khổ như sắp chết." Thế mà9 những kẻ khát nước kia không tin, vẫn cứ uống, tuy có đỡ khát nhưng chốc lát bị chết, hoặc bị khổ như sắp chết. Cũng vậy, các Sa-môn9 Bà-la-môn đoi với sắc được the gian quan niệm đẹp đẽ và thật có ấy mà thấy là thường, là hang, là an on, là không bệnh, là ta, là của ta,.. (cho đến) không giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nêu các Sa-môn, Bà-la-môn đôi với sác đẹp được thê gian quan niệm là đẹp đẽ và thật có ấy mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, vô thường, khổ, không, vô ngã thì đối với ái này ắt được xa lìa. Vì xa lìa được ái nên xa lìa được sanh y; vì xa lìa được sanh y nên xa lìa khỏi khổ, đã xa lìa khỏi khổ nên xa lìa được sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Ví như bên đường có ao nước trong mát, có mùi vị ngon ngọt, nhưng có người bỏ chất độc vào trong đó. Vào tháng mùa xuân, người đi đường mệt và

'2 Nguyên tác: Hà xúc 0Ī).Đoạn kinh bên dưới ghi là chuyển ().Theo Thành duy thức luận thuaíkỷ (r.43. 183^1. 0238a24), “chuyển” (W) có n^hīa là sự hiện khởi

); giông như nghĩa hiện hữu (bhavā). Tham chiếu: s. 12.66 - II. 107 Idarn kho dukkham upadhinidānam upadhỉsamudayarn upadhijātikam upadhipabhavarn (Sự đau khổ này lấy sanh y làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lây sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu), HT. Thích Minh Châu dịch. 23 Nguyên tác: ức-ba-đề (),phiên âm từ upadhi, có nghĩa là bản thể của sự tái sanh, sanh y.

khát vì nóng bức, liền tranh nhau xuống ao uống nước. Khi ấy, có người nói răng: "Này các anh, ao nước trong mát kia dù có mùi vị ngon ngọt, nhimg trong đó có độc, các anh không nên uống. Nếu uống vào sẽ chết, hoặc khổ như sắp chét.” Những người kia suy nghĩ: "Nước này có chất độc, nếu ta uống vào sẽ chết, hoặc khổ như sắp chết, thôi thì ta cố nhịn khát, ăn miếng lương khô, không dám uống rnróc." Cũng vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc đẹp được thế gian quan niệm là đẹp đẽ và thật có ấy mà quán sát như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như sát hại, vô thường, khô, không, vô ngã,... (cho đên) giải thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Thế nên, này A-nan! Đối với pháp này thấy như vậy, nghe như vậy, cảm nhận như vậy, biết như vậy; đối với quá khứ, vị lai cũng theo như phương pháp này mà quán sát như vậy. Đức Phật nói kinh này rồi, các Tỳ-kheo khi nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hanh. ***

292. TƯ DUY, QUÁN SÁT24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Tư duy, quán sát như thế nào để chấm dứt khổ hoàn toàn/5 vượt thoát khổ đau? Nên tư duy như vầy: “Chúng sanh gánh chịu nhiều loại khổ đau khác nhau; những khổ đau này do cái gì làm nhân, do cái gi làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?,, Tư duy như the sẽ thấy rằng, thủ chính là nhân, thủ làm tập khởi, thủ làm tác sanh, thủ làm hiện hữu. Nêu thủ kia diệt hoàn toàn thì các khổ diệt. Như thế, vị ấy đã biết đúng như thật con đường dẫn đến khổ diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp.26 Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là thủ diệt. Lại nữa, khi các Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Thủ kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Tư duy như vậy sẽ thấy rằng: Thủ kia do ái làm nhân, do ái làm tập khởi, do ái làm tác sanh, do ái làm

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,(r02. 0099.292. 0082cl8). Tham chiếu: s. 12.51 - II. 80. 25 Nguyên tác: Chánh tận khổ ().Thập thượng kỉnh r(7QL OOOl.lO. 0054al7); Tạp. (7:02. 0099.108. 0034al4) vả Tăng..012546.8. 0778c20) đều gọi là bình đang tận kho (¥).Chánh ()hoặc bình dẩẩg ()được dịch từ sammā, nghĩa thứ nhất là đúng, chính xác; nghĩa thứ hai là hoàn toàn. 26 Nguyên tác: Hướng thứ pháp ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.(r02. 0099.27. 0005c20).

hiện hữu. Nếu ái kia diệt hoàn toàn thì thủ kia cũng diệt. Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến thủ diệt, liền tu tap theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khô hoàn toàn, vượt thoát kho đau, nghĩa

là ái diệt. Lại nữa, khi các Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Ai kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: Ái kia do thọ làm nhân, do thọ làm tập khởi, do thọ làm tác sanh, do thọ làm hiện hữu. Nếu thọ kia diệt hoàn toàn thì ái kia cũng diệt. Như thế, vi ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến ái diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt kho hoàn toàn, vượt thoát kho đau, nghĩa là thọ diệt. [0083a05] Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Thọ kia do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?,^ Rồi biết rằng: Thọ kia do xúc làm nhân, do xúc làm tập khởi, do xúc làm tác sanh, do xúc làm hiện hữu. Nếu xúc kia diệt hoàn toàn thì thọ kia cũng diệt. Như thế, vi ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến xúc diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát kho đau. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Xúc kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?,^ Rồi biết rằng: "Xúc kia do sáu nhập xứ làm nhân, do sáu nhập xứ làm tập khởi, do sáu nhập xứ làm tác sanh, do sáu nhập xứ làm hiện hữu. Nêu sáu nhập xứ kia diệt hoàn toàn thì xúc kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến lục nhập xứ diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vay: “Sáu nhập xứ kia do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì lam tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Sáu nhập xứ kia do danh sắc làm nhân, do danh sắc làm tập khởi, do danh sắc làm tác sanh, do danh sắc làm hiện hữu. Nếu danh sắc kia diệt hoàn toàn thì sáu nhập xứ kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến danh sắc diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là danh sắc diệt. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: “Danh sắc kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Danh sắc kia do thức làm nhân, do thức làm tập khởi, do thức làm tác sanh, do thức làm

hiện hữu. Nếu thức kia diệt hoàn toàn thì danh sắc kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến thức diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là thức diệt. Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: "Thức kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Thức kia do hành làm nhân, do hành làm tập khởi, do hành làm tác sanh, do hành làm hiện hữu. Nếu tạo hành thiện27 thì thức thiện sanh, tạo hành bất thiện2^ thì thức bất thiện sanh, tạo hành bất động29 thì thức bất động sanh. Đó là [biết rằng] thức kia do hành làm nhân,

do hành làm tập khởi, do hành làm tác sanh, do hành làm hiện hữu. Nấu hành kia diệt hoàn toàn thì thức kia cũng diet." Như thế, vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến hành diệt, liền tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là hành diệt. [0083b04] Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy, quán sát để chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau thì tư duy như vầy: uHành kia do cái gì làm nhân, do cái gì làm tập khởi, do cái gì làm tác sanh, do cái gì làm hiện hữu?" Rồi biết rằng: "Hành kia do vô minh làm nhân, do vô minh làm tập khởi, do vô minh làm tác sanh, do vô minh làm hiện hữu. Hành thiện do vô minh làm duyên, hành bất thiện cũng do vô minh làm duyên, hành bất động cũng do vô minh làm duyên. Do đó nên biết, hành kia do vô minh làm nhân, do vô minh làm tập khởi, do vô minh làm tác sanh, do vô minh làm hiện hữu. Nêu vô minh diệt hoàn toàn thì hành kia diet." Vị ấy biết đúng như thật con đường dẫn đến vô minh diệt, rồi tu tập theo giáo pháp và thứ lớp của giáo pháp. Đó gọi là Tỳ-kheo hướng đến việc chấm dứt khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau, nghĩa là vô minh diệt. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo: Ý các thầy nghĩ sao? Nếu nhàm chán30 vô minh thì sanh khởi minh, khi ấy có còn duyên với vô minh kia để tạo hành thiện, hành bất thiện hay hành bất động chăng? Các Tỳ-kheo bạch: -Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao như thế? Vì vị Thánh đệ tử đa văn nhàm chán vô minh thì sanh khởi minh, khi ấy vô minh diệt thì hành diệt, hành

27 Nguyên tác: Phước hành ỶãÍT, puññābhisamkhāro. 28 Nguyên tác: Bất phước bất thiện hành apuññābhisarnkhāro. 29 Nguyên tác: Vô sở hữu hành Tạp A-hàm kinh luận hội biên 0030.02. 0023al3 ghi là 4tphi phước bất phước hanh^JCâu-xả thích luận T.29. 1559.7. 0207a20 ghi là "bất động hanh,,,āneñjābhisamkhāry Đầy chỉ cho hành vi không thiện không ác, diêm tĩnh, không lay động. Theo Pãli-Hản từ điên Bdo Minh Pháp Tôn giả hiệu đính, āneñjābhisamkhāro chỉ cho thiện tâm trong bôn thiên Vô Săc
30 Nguyên tác: Bất lạc .

diệt thì thức diệt,... {cho đến sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt, như thế thì toàn bộ khối khổ lớn đều diệt. Đức Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo! Ta cũng nói như vậy, các thầy cũng biết như vậy: ở nơi pháp này pháp kia mà khởi lên pháp này pháp kia; sanh pháp này pháp kia, diệt pháp này pháp kia; tịch diệt, dừng lắng, văng lặng, ngưng nghi, biến mất. Nếu vi Thánh đệ tử đa văn đối với vô minh mà viễn ly3132 thì sanh khởi minh, cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân,32 biết như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân; cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng,33 biết như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng; khi thân hoại diệt, thọ mạng săp tận, tát cả cảm nhận vê các cảm thọ này đêu diệt tận hoàn toàn. Ví như vi lực sĩ lấy món đồ gốm mới nung xong, còn nóng bỏng, đặt trên mặt đất thì trong chốc lát vật này sẽ tan vỡ, sức nóng cũng tản mất.34 Cũng vậy, Tỳ-kheo đối với vô minh mà viễn ly thì sanh khởi minh, cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân, biêt như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thân; cảm nhận cảm thọ trong giới hạn

của thọ mạng, biết như thật cảm nhận cảm thọ trong giới hạn của thọ mạng; khi thân hoại diệt, thọ mạng sắp tận, tất cả cảm nhận về các cảm thọ này đều diệt tận hoàn toàn. Đức Phật nói kinh này rồi5 các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

293. PHÁP SÂU XA35 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Ta đã thoát nghi ngờ, lìa do dự, nhổ gai tà kiến, không bị thoái chuyển. Một khi tâm không con chấp trước thì chỗ nào cho ngã tồn tại? Ta vì các Tỳ- kheo mà thuyết pháp ấy. Ta lại vì các Tỳ-kheo mà thuyết pháp xuất thế của Hiền thánh, pháp tùy thuận duyên khởi, tương ưng với Không, nghĩa là do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi. Do duyên vô minh nên có hành,

31 Nguyên tác: Ly dục . 32 Nguyên tác: Thân phần tề . 33 Nguyên tác: Thọ phần tề . 34 Bản Hán nghĩa chưa rõ. Tham chiếu: s. 12.51 - II. 80: “Này các Tỷ-kheo, ví như một người từ trong lò nung của người thợ gôm lây rạ một cái ghè nóng và đặt trên một khoảng đất bằng phẳng để sức nóng ở đây được nguội dân và các miêng sành vụn được gạt bỏ một bên,, HT. Thích Miiủi Chau dịch. 35 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.293. 0083c01.

duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nen có già, chết, ưu, bi, khổ, não, như thế tụ thành một khối khổ lớn,... cho đến cứ như vậy toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Pháp được thuyết như vậy nhưng có Tỳ-kheo vẫn còn nghi ngờ, do dự. Bởi trước đây chưa đắc mà tưởng đã dắc, chưa đạt mà tưởng đã đạt, chưa chứng mà tưởng đã chứng; nên nay nghe pháp này xong, tâm sanh lo buồn, hối hận, mê mờ, chướng ngại. Vì sao như vậy? Vì đây là chỗ sâu xa, tức là pháp duyên khởi. Sâu xa khó thấy hơn bội phần, đó là xa lìa tất cả thủ, ái tận, vô dục, tịch tinh, Niết-bàn. Như hai pháp này, đó là hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi thì sanh, trụ, dị, diệt; pháp vô vi thì không sanh, không trụ, không dị, không diệt. Này các Tỵ-kheo!3637 Đó gọi là các hành là khổ, tịch diệt là Niết-bàn. Nhân tập khởi thì khổ tập khởi, nhân diệt tận thì khổ diệt tận; đoạn dứt các nẻo đường, cat đứt sự tương tục, khi sự tương tục chấm dứt thì gọi là vượt thoát khô đau. Này các Tỳ-kheo! Nhrnig gì diệt tận? Đó là các khổ còn sót lại;3 khổ ấy nếu diệt sạch, dừng lắng, vắng lặng, ngưng nghỉ, biến mất; nghĩa là tất cả thủ đều bị diệt sạch thì ái tận, vô dục, tịch diệt, Niết-bàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy rồi đều hoan hỷ phụng hành. ***

294. PHÀM NGU VÀ BẬC TRÍ38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết bi vô minh che lấp, bị ái duyên ràng buộc nên đã hình thành tấm thân có thức này.39 Bên trong thân có thức, bên ngoài có danh sắc; do hai nhân duyên này mà sanh khởi xúc. Do sự xúc chạm của sáu căn này40 mà

hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết cảm nhận được

36 Nguyên tác: Thị danh Tỳ-kheo .Căn cứ vào nội dung kinh có khả năng bản Hán chép nhầm cấu trúc Tỳ-kheo thị danh,.Bản dịch Việt dựa trên suy luận này. Xem thêm sự khác biệt về hai cấu trúc này ở kinh số 42; Tạp.r02. 0099.42. 0010cll-cl3. 37 Nguyên tác: Hữu dư khổ . 38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.294. 0083c23. Tham chiếu: s. 12.19 - II. 23. 39 Nguyên tác: Thức thân Thân có thức. Tham chiếu: A. 3.32 - L 132: Imasmiñca saviññānake kāya trong cái thân có thức này, HT. Thích Minh Châu dịch. 40Nguyên tác: Xúc nhập xứ .Xứ āyatana cũng gọi là căn cứ địa, cơ sở. Lục xúc nhập xứ là tên gọi chỉ cho sáu căn môn .Các tên gọi khác như: lục nhập xứ nội lục nháp ,nội lục nhập xứ è, lục nội nhập xú:,1ỊIC nhập luctiī±/\ ,chư nhập j, lục xúc nhập xứ ,lục xúc xu j, hịc cánh lạc xứ .

lạc thọ, khổ thọ rồi nhân đó khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Bậc hiền trí41 cũng bị vô minh che lấp, bi ái duyên ràng buộc nên đã hình thành tấm thân có thức này. Bên trong thân có thức, bên ngoài có danh sắc; do hai nhân duyên này mà sanh khởi xúc. Do sự xúc chạm của sáu căn này mà bậc hiền trí cảm nhận được lạc thọ, khổ thọ rồi nhân đó khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Như thế, giữa kẻ phàm ngu và bậc hiền trí, trong hai hạng người này theo Như Lai tu hành Phạm hạnh có gì khác nhau? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con. Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Bay giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Này các Tỳ-kheo! Hàng phàm phu mê muội thiếu hiểu biết bị vô minh che lấp, bi duyên ái ràng buộc nên đã hình thành tấm thân có thức này; nhưng do đối với vô minh không đoạn dứt, đối với ái duyên không đoạn tận nên khi qua đời trở lại thọ thân. Vì còn thọ thân nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Vì sao như thế? Vì kẻ đó trước đây chẳng tu Phạm hạnh, chẳng hướng đến việc đoạn diệt kho hoàn toàn, chẳng vượt thoát kho đau. The nên khi lâm chung trở lại thọ thân, vì còn thọ thân nên không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, kho, não. Bậc hiên trí cũng bi vô minh che lâp, bị ái ràng buộc nên đã hình thành tâm thân có thức này; nhưng vị ấy đoạn dứt vô minh, đoạn tận duyên ái. Do vô minh được đoạn dứt, duyên ái đã đoạn tận nên khi lâm chung không trở lại thọ thân nữa. Vì không còn thọ thân nên thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Vì sao như thế? Vì vị ấy trước đây có tu Phạm hạnh, hướng đến việc đoạn diệt kho hoàn toàn, vượt thoát khổ đau nên khi lâm chung không trở lại thọ thân nữa. Do không còn thọ thân nên được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khô, não. Đó là sự sai khác giữa hàng phàm phu và bậc hiền trí theo Như Lai tu hành Phạm hạnh vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

41 Nguyên tác: Hiệt tuệ giả Panditci.

295. KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG42 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thân này chăng phải sở hữu của các thây, cũng chăng phải sở hữu của kẻ khác. Vì do hạnh nguyện tu tập của sáu căn ở đời trước nên mới có được thân này.43 Những gì là sáu? Đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn. Vị Thánh đệ tử đa văn kia đối với các pháp duyên khởi mà khéo tư duy, quán sát chân chánh: "C6 sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân. Do có những pháp ấy nên trong tương lai sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não; rồi cứ như thế tụ thành một khối khổ lớn. Đó gọi là có nhân có duyên thì có sự tập khởi của thế gian. Trái lại, nếu không có những pháp ấy, tức không có sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân; những pháp này không có thì trong tương lai không có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não; như thế thì toàn bộ khối khổ lớn cũng đều diet." Nếu vị Thánh đệ tử đa văn đối với sự tập khởi của thế gian, đối với sự diệt tận của the gian mà biết đúng như thật, khéo nhìn nhận, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập thì đó gọi là vi Thánh đệ tử chiêu cảm pháp lành này, được pháp lành này, biết pháp lành này, thể nhập pháp lành này, biết bằng tuệ giác, thấy bằng tuệ giác về sự sanh diệt ở thế gian, thành tựu pháp xuất ly của Hiền thánh, tịch tịnh, đoạn tận khổ hoàn toàn, vượt thoát khổ đau. Vì sao được như thế? Vì vị Thánh đệ tử đa văn đã biết đúng như thật, khéo nhìn thấy, khéo tỉnh giác, khéo thể nhập về sự tập khởi của thế gian và sự diệt tận của thế gian. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

296. ĐOẠN TẬN KIÊN CHẤP44

. x

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Nay Ta sẽ nói về pháp nhân duyên và pháp duyên sanh.

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.295. 0084a23). Tham chiếu: s. 12.37 - II. 64. 43 Nguyên tác: y ị lục xúc nhập xứ bổn tu hành nguyện thọ đắc thử thân ( ).Tham chiếu: s. 12.37 - II. 64: "Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do hành động, do săp đặt, do sự cố ý, do sự cảm thọ trong quá khúr" (HT. Thích Minh Châu dịch). 44 Tvra đe đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.296. 0084bl2). Tham chiếu: s. 12.20 -II. 25.

Thế nào gọi là pháp nhân duyên? Do cái này có nên cái kia c6, nghĩa là do duyên vô minh nên có hành, do duyên hành nên có thức,...(cho đến) cứ như thê tụ thành một khối khổ lớn. Thế nào gọi là pháp duyên sanh? Đó là vô minh, hành... dù đức Phật xuất thế hay chưa xuất thế, pháp này vẫn thường trụ, tức là sự an trú trong pháp duyên

khởi và sự quy định của pháp duyên khởi.45 Pháp này Như Lai đã tự giác, tự tri, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn, vì người khác mà diễn thuyết, khai thi, hiển b đó là do duyên vô minh nên có hành,... (cho đen) do duyên sanh nên có già, chết. Dù đức Phật xuất thế hay chưa xuất thế, pháp này vẫn thường trụ, tức là sự an trú trong pháp duyên khởi và sự quy định của pháp duyên khởi. Pháp này Như Lai đã tự giác tự tri, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn, vì người khác mà diễn thuyết, khai thị, hiển bày, đó là do duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, kho, não. Các pháp này đều là pháp trụ, pháp không, pháp như, pháp vốn vậy, pháp chăng lìa như, pháp chăng khác như, xác thật, chân thật, không điên đảo. Tùy thuận duyên khởi như vậy nên gọi là pháp duyên sanh. Nghĩa là vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, gọi là pháp duyên sanh. Vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh này khéo thấy với chánh trí nên chẳng truy tìm về đời trước mà nói rằng: "Tôi ở đời quá khứ có hay không? Tôi trong quá khứ là loài gì? Tôi trong quá khứ như thế nào?” Hoặc chẳng truy tìm về tương lai mà nói rằng: "Tôi ở đời sau là có hay là không? Là loài gì? Là sẽ như thế nao?" Hoặc bên trong chẳng do dự mà nói rằng: “Bây là những thứ gì? Tại sao có cái này? Trước đay chúng là gì? Sau này chúng sẽ là gì? Chúng sanh này từ đâu đến? ở đây chết rồi sẽ đi về d2u?" Nếu Sa-môn, Bà-la-môn khởi những kiến chấp phàm tục, nghĩa là kiến chấp về ngã, kiến chấp về chúng sanh, kiến chấp về thọ mạng, hoặc kiến chấp về kiêng kỵ, tốt xấu; một khi tất cả những kiến chấp đó được đoạn dứt, được nhận biêt, được đoạn tận góc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời sau chúng thành pháp bất sanh. Đó gọi là vị Thánh đệ tử đa văn đối với pháp nhân duyên và pháp duyên sanh đã biết đúng như thật, khéo nhìn thấy, khéo tỉnh giác, khéo tu tập, khéo thể nhập vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. **** 45 Nguyên tác: Pháp trụ, pháp giới ().Pháp trụ (Dhammatthitatā): Sự an trú trong duyên pháp và duyên khởi. SA. II. 40, Paccayasuttavannanā: Paccayena hipaccayuppannā dhammā titthanti, tasmā paccayova ((dhammatthitatā "ti vuccati (Vì an trú trong duyên pháp và duyên khởi, nên được gọi là pháp trụ (Dhammatthitatā)). Pháp giới (,Dhammaniyāmata): Sự quy định của duyên pháp. SA. II. 40, Paccayasuttavannanā'. Paccayo dhamme niyameti, tasmā <(dhammaniyāmatā f,ti vuccati (Vì sự quy định cua duyên pháp, nên được gọi là pháp giới(phammaniyãmatãỹị.

QUYÊN 12 355

297. KINH ĐẠI KHÔNG PHÁP4647 49 48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru trong dân chúng Câu-lưu, tại làng Điều Ngưu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ vì các thầy mà thuyết pháp, phần đầu, phần giữa và phần cuối đều thiện, nghĩa lý sâu xa,47 ngôn từ chuẩn xác,48 thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch, đó gọi là Kinh đại không ph.49 Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thầy nghe. Thế nào là Kinh đại không pháp? Đó là? do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi; nghĩa là duyên vô minh nên có hành, duyên hành nên có thức, duyên thức nên có danh sắc, duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ, duyên sáu nhập xứ nên có xúc, duyên xúc nên có thọ, duyên thọ nên có ái, duyên ái nên có thủ, duyên thủ nên có hữu, duyên hữu nên có sanh, duyên sanh nên có già, bệnh, chết, tru, bi, khổ, não,...

cho đến tụ thành một khối khổ lớn. Do duyên sanh nên có già chết. Nếu có người hỏi: "Ai già chết? Già chết thuộc về ai?" thì đáp rằng: "Ngãi tức là già chết, già chết nay thuộc về ngã, già chết là ngã sở?9 Hoặc nói: "Mạng tức là thân"; hoặc nói: "Mạng khác, thân khác^; đây đồng một nghĩa nhirng cách nói khác nhau. Hoặc thấy rằng: "Mạng tức là thân", bậc Phạm hạnh không thấy như vậy. Hoặc thấy rằng: "Mạng khác, thân khác", bậc Phạm hạnh cũng không thấy như vậy. Đối với hai cực đoan ấy, tâm không nương theo mà nên chân chánh hướng theo trung đạo. Bậc Hiền thánh xuất thê, với chánh kiên như thật không điên đảo đã nói răng do duyên sanh nên có già chết. Cũng như vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; do duyên vô minh nên có hành. Nếu lại hỏi: "Ai là hành? Hành thuộc về ai?" thì đáp rằng: "Hành chính là ngã, hành là ngã sở?9 Hoặc nói như vầy: "Mạng tức là thân"; hoặc nói: "Mạng khác, thân khác.59 Với cái thấy "mạng tức là thân", bậc Phạm hạnh không cho là vậy. Hoặc với cái thấy "mạng khác, thân khác", bậc Phạm hạnh cũng không cho là vậy. Nên lìa hai cực đoan này, phải chân chánh hướng đến trung đạo. Bậc Hiền thánh xuất thế, với chánh kiến như thật không điên đảo đã nói rằng do duyên vô minh nên có hành. Này các Tỳ-kheo! Nếu đối với vô minh mà ly dục nên sanh khởi minh thì cần gì hỏi ai là già chết, già chết thuộc về ai nữa! Khi ấy, già chết được đoạn

46 Tựa đề đức Phật dạy trong nội dung kinh. Tạp.T.02. 0099.297. 0084c 11. Tham chiếu: s. 12.35 -II. *60; S. 12.36 II. 63. 47 Nguyên tác: Sơ trung hậu thiện, thiện nghĩa, thiện vị, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch .Xem chu thích 94, kinh số 53, quyển 2* tr. 55; Tạp. .02. 0099.53. 0012C04. 48 Nguyên tác: Thiện vị .Vị vyañjand vừa có nghĩa là vị của món ăn vừa có nghĩa là mẫu tự. 49 Đại không pháp kinh .Kinh nói về pháp không sâu xa. Pháp không chính là pháp duyên khởi.

dứt và biết rằng đã đoạn tận gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la thì ở đời sau chúng trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo đối với vô minh mà ly dục nên sanh khởi minh thì cần gì hỏi ai là sanh và sanh thuộc về ai nữa! Cho đến cần gì hỏi ai là hành và hành thuộc vê ai nữa! Khi ây, hành được đoạn dứt và biêt răng đã đoạn tận góc rê của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la thì ở đời sau chúng trở thành pháp bất sanh. Nếu Tỳ-kheo đối với vô minh mà ly dục nên sanh khởi minh thì khi ấy vô minh diệt thì hành diệt... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đó gọi là Kỉnh đại không pháp vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

298. PHÁP THUYẾT, NGHĨA THUYẾT50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru trong dân chúng Câu-lưu, tại làng Điều Ngiru. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Hôm nay, Ta sẽ nói pháp thuyết, nghĩa thuyết về pháp duyên khởi. Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói cho các thây nghe. Thế nào là pháp thuyết về pháp duyên khởi? Nghĩa là do cái này có nên cái kia có5 do cái này khởi nên cái kia khởi; tức là duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) tụ thành một khối khổ lớn. Đó gọi là pháp thuyết về pháp duyên khởi. Thế nào là nghĩa thuyết? Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là vô minh?

Chăng biêt đời trước, chăng biêt đời sau, chăng biêt đời trước đời sau; chăng biết trong, chẳng biết ngoài, chẳng biết trong ngoài; chẳng biết nghiệp, chẳng biết báo, chẳng biết nghiệp báo; chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, chẳng biết Tăng; chẳng biết khổ, chẳng biết tập, chẳng biết diệt, chẳng biết đạo; chẳng biết nhân, chẳng biết pháp sanh khởi bởi nhân; chẳng biết thiện, bất thiện, có tội, không tội, tập khởi, không tập khởi, hơn, kém nhiễm ô5 thanh tịnh, phân biệt duyên khởi, hét thảy đêu không biêt; đôi với sáu căn không nhận biêt đúng như thật; đoi với pháp này pháp kia không biết, không thấy, không thông tuệ, si ám, tối tăm, mù mịt. Đó gọi là vô minh. Duyên vô minh nên có hành. Thế nào là hành? Hành gồm có ba: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Duyên hành nên có thức. Thế nào là thức? Là sáu thức thân: Nhãn thức thân, nhĩ thức thân, tỷ thức thân, thiệt thức thân, thân thức thân và ý thức thân.

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.298. 0085all). Tham chiếu: Tg.(02. 0125.49.5. Ỏ797bl4); s. I2.l II. l; s. 12.2 - II. 2.

Duyên thức nên có danh sắc. Thế nào là danh? Là bốn uẩn vô sắc: Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Thế nào là sắc? Đó là bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành, gọi là sắc. sắc này và danh đã nói ở trước, gọi chung là danh sắc. Duyên danh sắc nên có sáu nhập xứ. Thế nào là sáu nhập xứ? Còn gọi là sáu nội nhập xứ: Nhãn nhập xứ, nhĩ nhập xứ, tỷ nhập xứ? thiệt nhập xứ, thân nhập xứ và ý nhập xứ. Duyên sáu nhập xứ nên có xúc. Thế nào là xúc? Đó là sáu xúc thân: Nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc thân, thiệt xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Duyên xúc nên có thọ. Thế nào là thọ? Có ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Duyên thọ nên có ái. Thế nào là ái? Có ba ái: Dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Duyên ái nên có thủ. Thế nào là thủ? Có bốn thủ: Dục thủ, kiến thủ, giới thủ và ngã thủ. Duyên thủ nên có hữu. Thế nào là hữu? Có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Duyên hữu nên có sanh. Thế nào là sanh? Mỗi mỗi chúng sanh có mỗi mỗi loại thân sanh ra, siêu việt, hòa hợp, xuất sanh, được ấm, được giới, được nhập xứ, được mạng căn, đó gọi là sanh. Duyên sanh nên có già, chết. Thế nào là già? Tóc bạc đầu hói, da nhăn, căn suy, lưng còng, gối mỏi, đầu cúi run rẩy, hơi thở hụt ngắn, đi phải chống gậy, thân thể đen sạm, tứ chi nổi đồi mồi, ám độn lú lẫn, cử động khó khăn, chậm chạp, đó gọi là già. The nào là chết? Mỗi mỗi chúng sanh có mỗi mỗi loại thân mất đi, thay đổi, hoại diệt, tuổi thọ chấm hết, hơi ấm lìa thân, mạng sống chấm dứt, đã đến lúc xả bỏ thân uẩn, đó gọi là chết. Chết ở đây và già đã nói ở trước, gọi chung là già chết. Trên đây chính là nghĩa thuyết về pháp duyên khởi. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

299. PHÁP DUYÊN KHỞI51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật tru trong dân chúng Câu-liru5 tại làng Điều Ngưu. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Pháp duyên khởi này do Ngài tạo ra hay do người khác tạo ra?

51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.299. 0085b21).

Đức Phật đáp: Pháp duyên khởi chẳng phải do Ta tạo ra, cũng chẳng phải do người khác tạo ra. Dù Như Lai có xuất hiện hay chưa xuất hiện ở thế gian, pháp giới này vẫn thường trụ. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành bậc Giác Ngộ Viên Mãn, rồi vì các chúng sanh mà phân biệt, diễn thuyết, khai mở, chỉ bày. Đó là: Do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi. Nghĩa là duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) tụ thành một khối khổ lớn. Do vô minh diệt nên hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

300. TRUNG ĐẠO52 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú trong dân chúng Câu-lưu, tại làng Điều Ngưu. Bấy giờ, có vị Bà-la-môn đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên và bạch: Thưa Cù-đàm, ý Ngài thế nào? Có phải do tự mình làm, tự mình cảm thọ53 chăng? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Ta cho rằng điều này không thể khẳng định.54 Tự mình làm, tự mình cảm thọ, điều này không thể khẳng đinh. Bà-la-môn hỏi: Thế nào, Cù-đàm? Vậy có phải do người khác làm, người khác cảm thọ chăng? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Người khác làm, người khác cảm thọ? điều này cũng không thể khẳng định. Bà-la-môn bạch Phật: Thưa Ngài vậy thì thế nào? Khi tôi hỏi "do tự mình làm, tự mình cảm thọ chng", Ngài đáp là "không thể khẳng djnh." Tôi lại hỏi "do người khác làm, người khác cảm thọ change, Ngài cũng đáp là "không thể khẳng djnh.” Vậy nghĩa này như thế nào? Đức Phật bảo Bà-la-môn: Nếu nói "tự mình làm, tự mình cảm thẹ)" thì rơi vào thường kiến;55 còn

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.300. 0085c03). Tham chiếu: s. 12.46 II. 75. 53 Nguyên tác: Tự tác tự giác (,so karoti sopatisarnvedayatī) : Tự mình làm, tự mình cảm thọ. 54 Vô ký (avyakata)'. Không thể xác quyết được. 55 Thường kiến (,sassataditthī).

nói "người khác làm, người khác cảm thẹ)” thì rơi vào đoạn kiến.56 Theo nghĩa thuyết, pháp thuyết nên lìa hai cực đoan này, phải ở nơi trung đạo57 mà thuyết pháp. Nghĩa là do cái này có nên cái kia có, do cái này khởi nên cái kia khởi; duyên vô minh nên có hành,... (cho đếri) tụ thành một khối khổ lớn. Vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn ấy đều diệt. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-la-môn ấy hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà ra về. ***

301. LÌA NHỊ BIÊN58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại một nhà khách trong rừng sâu thuộc làng Na-lê.59 Bấy giờ, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên6061đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, đứng sang một bên rồi bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Như Ngài đã nói về chánh kiến. Vậy thế nào là chánh kiến? Vì sao Thế Tôn thiết lập chánh kiến? Phật dạy Tán-đà Ca-chiên-diên: -Thế gian thường y cứ vào hai cực đoan, đó là có và không, bị chấp thủ bởi xúc. Vì bị chấp thủ bởi xúc, cho nên hoặc y cứ vào có, hoặc y cứ vào không. Nêu không có sự châp thủ này thì khi tâm bị cảnh trói buộc sẽ không còn bị chấp thủ, không dính mắc, không chấp ngã, khi khổ sanh thì sanh, khi khổ diệt thì diệt. Đối với điều này không nghi ngờ? không mê hoặc, không do người

khác mà tự mình biết rõ thì gọi là chánh kiến. Đó gọi là chánh kiến do Như Lai s ,
Vì sao như vậy? Bằng chánh kiến như thật mà quán sát sự tập khởi của thế gian, nếu cho rằng thế gian là không thì không đúng; bằng chánh kiến như thật mà quán sát sự diệt tận của thê gian, nêu cho răng thê gian là có thì cũng không

56 Đoạn kiến (‚uccheda ditthi). 57 Trung đạo (‚Majjhimāpatipadã). 58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.301. 0085CÍ7). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.262. 0066b06); 5. 12.15 - II. 17; s. 22.90 -III. 132. 59 Na-lê tụ lạc thâm lâm trung đãi khách xá (íặĐịa danh này trong Tạp. n (T.02. 0099.926. 0235c27) ghi là Na-lê tụ lạc thâm cóc tinh xá (j trong Tạp. (T.02. 0099.1037. 0270cl2) ghi là Na-lê*tụ lạc khúc cốc tinh xa ();D. 16 ghi là Nādikā Giñjakāvasathā (một nhà khách xây bằng gạch). 60 Tán-đà Ca-chiên-diên Sandha Kaccāyana). 61 Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.262. 0066c26-0067a01): Sự điên đảo của người đời dựa vào hai cực đoan: Hoặc là có, hoặc là không. Khi người đời chấp thủ các cảnh giới thì tâm liên dính măc.9 Này Ca-chiên-diên! Nếu không thọ nhận, không chấp thủ, không dính mắc, không chấp ngã thì khi khổ này sanh là sanh, khi [khổ này] diệt là diệt. Này Cạ-chiên-diên! Đối với điều này không nghi ngờ, không mê hoặc, không do người khác mà có thể tự biêt, đó gọi là chánh kiên mà Như Lai đã nói. (ttt ;íZ, Ề,
! ‚ì).

đúng. Đây gọi là lìa nhị biên mà nói trung dạo, nghĩa là: "Do cái này có nên cái kia có, do cái này sanh62 nên cái kia sanh, tức là do vô minh mà có hành,... (cho đếri) toàn bộ khối khổ lớn này tập khởi. Do vô minh diệt mà hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn này diệt.„ Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Tán-đà Ca-chiên-diên nghe lời Phật dạy, không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát, thành tựu quả A-la-hán. ***

302. A-CHI-LA CA-DIÉP63 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát, rời núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Khi ấy, A-chi-la Ca-diếp64 vì có chút việc nên cũng rời khỏi thành Vương Xá, hương ve núi Ky-xa quật. Tư xa trông thay The Ton, ong liên đi đen cho Phật rồi thưa: Bạch đức Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Phật bảo Ca-diếp: Nay không phải lúc để bàn luận, giờ Ta đang vào thành khất thực. Đợi khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe! A-chi-la Ca-diếp khẩn cầu lần thứ hai, đức Phật cũng nói như vậy. Lần thứ ba, A-chi-la Ca-diếp thưa: Bạch đức Cù-đàm! Sao Ngài lại làm khó tôi? Vì sao khác lạ như thế? Nay tôi có điêu muôn thưa hỏi, xin Ngài hãy giải đáp cho tôi! Phật bảo A-chi-la Ca-diếp: Ông muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi! A-chi-la Ca-diếp bạch Phật: -Thưa Cù-đàm? kho có phải là do tự mình tạo ra không? Phật bảo Ca-diếp: Nói rằng khổ là do tự mình tạo ra, điều này không thể khẳng định. A-chi-la Ca-diếp hỏi: Thưa Cù-đàm, khổ là do người khác tạo ra chăng?

62 Nguyên tác: Khởi (). 63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. /T.02. 0099.302. 0086a04). Tham chiếu: <(r.O2. 0099.343. 0093Ồ25); Phật vịA-chi-la Ca-dỉếp tự hóa tác

khổ kinh (r. 14. 0499. 0768b19); s. 12.17 - ii. 18. 64 A-chi-la Ca-diếp (‚Acela Kassapa): Lõa hình Ca-diếp.

Phật đáp:

-Nói rang khổ là do người khác tạo ra, điều này cũng không thể khẳng định.

Ca-diếp lại hỏi:

Kho là do tự mình tạo, cũng do người khác tạo ra phải không?

Phật đáp:

-Nói răng khô là do tư mình tạo, cũng do người khác tạo, điêu này cũng không thể khang định.

Ca-diếp lại hỏi:

Thưa Cù-đàm9 khô là không do tự mình tạo, cũng chăng phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra chăng?

Phật đáp:

9 9

Khô không do tự mình tạo, cũng chăng phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra, điều này cũng không thể khẳng định. Ca-diếp lại hỏi: Thưa đức Cù-đàm! Tại sao không có nguyên nhân tạo ra? Tôi hỏi rằng "khổ là do tự mình tạo chăng5\ Ngài đáp là "điều này không thể khẳng định.95 Tôi hỏi rang "khổ là do người khác tạo ra; kho là do tư mình tạo cũng do người khác tạo; kho chẳng phải là do tự mình tạo, cũng không phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra chăng^ thì Ngài cũng đáp là "không thể khẳng định?9 Vậy thực tế là không có khổ này sao? Phật bảo Ca-diếp: Chẳng phải không có khổ này mà thật sự có cái khổ này. Ca-diếp bạch Phật: -Lành thay, thưa Cù-đàm! Ngài nói có cái khô này, vậy xin Ngài hãy vì tôi mà nói pháp, giúp tôi biết rõ khổ, thấy rõ khổ. Phật bảo Ca-diếp: - Nếu thọ là do chính mình cảm thọ thì Ta đồng ý nói khổ là do tự mình tạo. Nêu cảm thọ thuộc ve người khác, người khác chính là người cảm thọ thì khổ đó do người khác tạo. Nếu cảm thọ là do tự mình cảm thọ và người khác cảm thọ lại cùng chịu khổ; như vậy nghĩa là tự mình tạo và cũng do người khác tạo, Ta không nói [như thế]. Nếu không do chính mình và do người khác, cũng không có nguyên nhân để sanh khổ đau thì Ta cũng không nói [như thế]. Như Lai xa lìa các sự thiên lệch này mà nói pháp trung đạo, pháp đó là: “Do cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh. Nghĩa là, do duyên vô minh nên có hành,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn tập khởi. Khi vô minh diệt thì hành diệt,... (cho đến) toàn bộ khối khổ lớn này diet." Đức Phật giảng kinh này xong, A-chi-la Ca-diếp liền xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ, A-chi-la Ca-diếp thấy pháp, đắc pháp, thấu rõ

giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt thoát nghi ngờ, không do người khác mà biết, không nhờ người khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Ông liền chắp tay bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Nay con đã được Ngài hóa độ. Từ nay, con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, nguyện trọn đời làm ưu-bà-tắc, kính xin Ngài

chứng tri cho con. A-chi-la Ca-diêp nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lê Phật roi rời đi. A-chi-la Ca-diếp từ giã Phật đi chưa bao lâu thì bị con trâu mẹ vì bảo vệ nghé con húc chết. Lúc lâm chung, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng.65 Bấy giờ, Thế Tôn vào thành khất thực. Lúc ấy5 có nhiều Tỳ-kheo cũng vào thành Vương Xá khất thực, nghe tin A-chi-la Ca-diếp vừa nghe pháp từ Thế Tôn, roi từ giã ra đi chẳng bao lâu thì bị con trâu mẹ húc chết; khi qua đời, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về, thu dọn y bát, rửa chân, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên rồi thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Sáng nay, số đông ly-kheo chung con vào thành khất thực, nghe tin A-chi-la Ca-diếp vừa nghe Thế Tôn thuyết Pháp, Luật xong, ra về chưa bao lâu thì bị con trâu mẹ vì bảo vệ nghé con húc chết. Lúc qua đời, các căn thanh tịnh, sắc mặt tươi sáng. Kính bạch Thế Tồn, không biết A-chi-la Ca-diếp sẽ sanh vào cõi nào? Thọ sanh nơi đâu? Đã chứng đắc gì? Phật bảo các Tỳ-kheo: -Ông ấy đã thấy rõ giáo pháp, biết rõ pháp và tùy pháp, không chấp thủ nơi pháp, đã vào Niết-bàn. Các thầy hãy đến cúng dường thân của A-chi-la Ca-diếp! Bấy giờ, đức Thế Tôn thọ ký cho A-chi-la Ca-diếp sẽ chứng quả A-la-hán.66 ***

303. TU Sĩ ĐIẾM-MÂU-LƯU67 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ5 vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, om bát, rời núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Trên đường di, Thế Tôn gặp một tu sĩ ngoại đạo tên là Điếm-mâu-lưu,68 vì có chút việc nên đến núi Kỳ-xà quật. Vị ấy từ xa

65 Theo S. 12.17 - II. 18 không nói như vậy mà cho biết rằng, sau khi nghe pháp, A-chi-la Ca-diếp xin xuất gia và chứng quả A-la-hán. tác: Thọ đệ nhất ký _.Theo Đài Đại Sư Tử Hống Phật học chuyên trạm 5 là sự thọ kỵ cho một người thành tựu quả vị tối cao, tưc la A-la-ian nEtx .IGiao sát vê trường hợp đức Phật thọ ký cho Tỳ-kheo Cù-đệ-ca ,Godhika trong kinh sô 1091; Tạp.T.02. 0099.1091. 0286a02 đã khẳng định thêm về quan điểm này. 67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.303. 0086Ồ24. Tham chiếu: s. 12.18 - II. 22. 68 Điếm-mâu-lưu Timbaruka.

trông thấy Thế Tôn liền đi đến chỗ Ngài, ân cần hỏi thăm nhau xong, đứng sang một bên rồi bạch Phật: Thưa đức Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Đức Phật nói với tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lưu: Nay không phải lúc để bàn luận, Ta phải vào thành khất thực. Đợi khi trở về, Ta sẽ nói cho ông nghe. Vị ngoại đạo khẩn cầu lần thứ hai, đức Phật cũng nói như vậy. Lần thứ ba, Điếm-mâu-liru thưa: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Phải chăng Ngài làm khó tôi? Tôi có điều muốn thưa hỏi, xin Ngài hãy giải đáp cho tôi! Phật bảo tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lun: -Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ giải đáp! Điếm-mâu-lưu liền hỏi: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Khổ, vui là do tự mình tạo ra chăng? Phật đáp: Nói khổ, vui là do tự mình tạo ra, điều này không thể khẳng định. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: Thưa Sa-môn Cù-đàm! Khổ, vui là do người khác tạo ra chăng? Phật đáp: Nói khổ, vui là do người khác tạo ra, điều này không thể khẳng đinh. Điếm-mâu-lưu lại hỏi: Thưa Cù-đàm! Khổ, vui là do tự mình tạo ra, vừa do người khác tạo ra chăng? Nói rằng khổ, vui là do tự mình tạo vừa do

người khác tạo, điều này không thể khẩ^g định. Thưa Cù-đàm! Khổ, vui chẳng phải do tự mình tạo, cũng không phải do người khác tạo ra, nghĩa là không có nguyên nhân tạo ra chăng? Phật bảo Điếm-mâu-lưu: Nói rằng khổ, vui chẳng phải do mình tạo, chẳng phải do người khác tạo, không có nguyên nhân tạo ra, điều này cũng không thể khang định,... (Nói đầy đủ như kinh A-chi-la Ca-diếp đã nỏi trên, cho đến)69 Thế Tôn thọ ký cho tu sĩ ngoại đạo Điếm-mâu-lxru sẽ chứng quả A-la-hán.70

69 Bản Hán tỉnh lược, xem nội dung đầy đủ trong kinh số 302; Tạp.(r.02. 0099.302. 0086a04). 70 Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp,(7.02. 0099.302. 0086a04). Ban Hán, hết quyển 12.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.